

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 72 /2019/TT-BCA

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2019

THÔNG TƯ

Quy định việc tổ chức kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô, xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định việc tổ chức kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô, xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định:

1. Tổ chức việc kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô, xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân (sau đây viết gọn là kiểm định xe).

2. Điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực của cơ quan kiểm định xe; tiêu chuẩn cán bộ làm nhiệm vụ kiểm định xe (sau đây viết gọn là cán bộ kiểm định xe); cấp mới, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe Công an nhân dân (sau đây viết gọn là Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe).

3. Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác kiểm định xe.

Điều 2. Nguyên tắc kiểm định xe

3. Đảm bảo đúng đối tượng, nội dung, tiêu chuẩn, yêu cầu kiểm định xe.

Điều 3. Cơ quan kiểm định xe

Cơ quan kiểm định xe trong Công an nhân dân bao gồm:

1. Cục Cảnh sát giao thông.

2. Trung tâm kiểm định xe cơ giới và đăng kiểm phương tiện thủy thuộc Phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện Cục Cảnh sát giao thông (sau đây viết gọn là Trung tâm kiểm định xe). Trung tâm kiểm định xe có con dấu riêng để phục vụ công tác theo quy định.

3. Phòng Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông đường bộ - đường sắt thuộc Công an tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết gọn là Phòng Cảnh sát giao thông).

Điều 4. Phân cấp kiểm định xe

1. Cục Cảnh sát giao thông cấp kiểm định lần đầu đối với xe chưa qua sử dụng do Cục Cảnh sát giao thông đăng ký, quản lý.

2. Trung tâm kiểm định xe thực hiện kiểm định xe đã qua sử dụng của Công an các đơn vị, địa phương trên phạm vi toàn quốc.

3. Phòng Cảnh sát giao thông cấp kiểm định lần đầu đối với xe chưa qua sử dụng, kiểm định xe đã qua sử dụng của các đơn vị Công an do Phòng Cảnh sát giao thông đăng ký, quản lý; xe của các đơn vị trực thuộc Bộ Công an có trụ sở đóng quân trên địa bàn và xe của Công an các đơn vị, địa phương khác khi được đề nghị bằng văn bản.

4. Trường hợp cơ quan kiểm định xe đã được trang cấp dây chuyền kiểm định hoặc thiết bị, phương tiện kiểm định di động và Hệ thống quản lý dẫn kiểm xe ô tô đã được vận hành thì từ chu kỳ thứ 2 trở đi, xe của các đơn vị Công an được kiểm định tại cơ quan kiểm định xe gần nhất.

Điều 5. Thẩm quyền ký các loại giấy tờ về kiểm định xe

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông ký Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây viết gọn là Sổ kiểm định), Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây viết gọn là Giấy chứng nhận kiểm định), cấp Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (sau đây viết gọn là Tem kiểm định) và các giấy tờ khác có liên quan đến công tác kiểm định xe.

3. Trưởng phòng Phòng Cảnh sát giao thông ký Sổ kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định, cấp Tem kiểm định và các giấy tờ khác có liên quan đến công tác kiểm định xe do Phòng Cảnh sát giao thông tổ chức kiểm định.

Điều 6. Chế độ báo cáo, quản lý, khai khác và sử dụng Hệ thống quản lý đăng kiểm xe ô tô

1. Hệ thống quản lý đăng kiểm xe ô tô là phần mềm quản lý, lưu trữ cơ sở dữ liệu kiểm định xe trong Công an nhân dân, có kết nối mạng WAN của Bộ Công an. Hệ thống quản lý đăng kiểm xe ô tô được sử dụng thống nhất trên phạm vi toàn quốc, do Cục Cảnh sát giao thông xây dựng, vận hành, quản lý, sử dụng và bảo mật Hệ thống theo quy định.

2. Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết gọn là Công an cấp tỉnh) và cơ quan kiểm định xe có trách nhiệm quản lý, sử dụng và bảo mật Hệ thống quản lý đăng kiểm xe ô tô theo quy định. Khi thực hiện việc kiểm định xe, cán bộ kiểm định xe có trách nhiệm nhập đầy đủ, chính xác các thông tin của chủ xe, xe vào Hệ thống.

3. Chế độ báo cáo: Cơ quan kiểm định xe phải báo cáo số liệu kiểm định xe định kỳ, đột xuất theo yêu cầu của Cục Cảnh sát giao thông.

Báo cáo định kỳ: báo cáo tháng tính từ ngày 15 tháng trước đến ngày 14 tháng làm báo cáo; báo cáo quý tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 3 năm làm báo cáo (quý I), từ ngày 15 tháng 6 đến ngày 14 tháng 9 năm làm báo cáo (quý III); báo cáo 6 tháng tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 6 của năm làm báo cáo; báo cáo năm tính từ ngày 15 tháng 12 năm trước đến ngày 14 tháng 12 của năm làm báo cáo.

Thời hạn gửi báo cáo: báo cáo tháng gửi trước ngày 20 của tháng báo cáo; báo cáo quý, 6 tháng, năm gửi trước ngày 20 của tháng cuối kỳ báo cáo.

Điều 7. Biểu mẫu sử dụng trong công tác kiểm định xe và quản lý cán bộ kiểm định xe

Ban hành kèm theo Thông tư này biểu mẫu sử dụng trong công tác kiểm định xe và quản lý cán bộ kiểm định xe, gồm:

1. Biểu mẫu sử dụng trong công tác kiểm định xe, gồm:

- a) Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (mẫu số 01);
- b) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (mẫu số 02);
- c) Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường (mẫu số 03);
- d) Phiếu kiểm định (mẫu số 04);

đ) Biên bản kiểm tra lập Sổ kiểm định (mẫu số 05).

e) Thông kê số liệu kiểm định xe Công an nhân dân (mẫu số 06);

g) Sổ theo dõi kiểm định xe Công an nhân dân (mẫu số 07).

2. Biểu mẫu sử dụng trong công tác quản lý cán bộ kiểm định xe, gồm:

a) Tờ khai cấp mới, đổi, cấp lại Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe Công an nhân dân (mẫu số 08);

b) Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe Công an nhân dân (mẫu số 09);

c) Sổ theo dõi công tác tập huấn và cấp Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe Công an nhân dân (mẫu số 10).

Điều 8. Quản lý sử dụng, tiêu hủy biểu mẫu

1. Quản lý biểu mẫu: Biểu mẫu sử dụng trong công tác kiểm định xe phải được quản lý chặt chẽ theo chế độ quản lý hồ sơ của Bộ Công an.

a) Các biểu mẫu số 01, 02, 03, 09 do Cục Cảnh sát giao thông thống nhất quản lý, in và cấp phát theo đề nghị của cơ quan kiểm định xe. Việc cấp phát, quản lý sử dụng biểu mẫu phải có sổ sách theo dõi;

b) Các biểu mẫu số 04, 05, 06, 07, 08, 10 do cơ quan kiểm định xe thực hiện in trên Hệ thống quản lý đăng kiểm xe ô tô. Khi in biểu mẫu, cơ quan kiểm định xe không được làm thay đổi nội dung biểu mẫu;

c) Kinh phí thực hiện việc in, cấp phát các loại biểu mẫu được sử dụng từ nguồn kinh phí bảo đảm trật tự, an toàn giao thông hằng năm.

2. Tiêu hủy biểu mẫu.

Biểu mẫu hỏng, thu hồi, biểu mẫu không còn phù hợp với quy định hiện hành thì định kỳ 12 tháng, Phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện báo cáo Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông; Phòng Cảnh sát giao thông báo cáo Giám đốc Công an cấp tỉnh quyết định cho phép tiêu hủy và thành lập Hội đồng tiêu hủy. Thành phần Hội đồng tiêu hủy gồm:

a) Cục Cảnh sát giao thông: Cục trưởng là Chủ tịch Hội đồng; Trưởng phòng Chính trị; Trưởng phòng Hậu cần; Trưởng phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện là ủy viên;

b) Công an cấp tỉnh: Giám đốc Công an cấp tỉnh là Chủ tịch Hội đồng; Chánh thanh tra; Trưởng phòng Hậu cần; Trưởng phòng Cảnh sát giao thông là ủy viên;

Việc tiêu hủy biểu mẫu phải được lập biên bản, có đầy đủ chữ ký của các thành viên Hội đồng. Nội dung chủ yếu của biên bản gồm: căn cứ, lý do thực hiện việc tiêu hủy; thời gian, địa điểm; thành phần tham gia; thống kê số lượng,

Chương II

KIỂM ĐỊNH XE

Mục 1

ĐIỀU KIỆN VỀ CƠ SỞ VẬT CHẤT, NHÂN LỰC CỦA CƠ QUAN KIỂM ĐỊNH XE, TIÊU CHUẨN CÁN BỘ KIỂM ĐỊNH XE; CẤP MỚI, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN CÁN BỘ KIỂM ĐỊNH XE

Điều 9. Điều kiện về cơ sở vật chất, nhân lực của cơ quan kiểm định xe

1. Cơ quan kiểm định xe phải bố trí địa điểm để tiếp nhận, giải quyết hồ sơ, thủ tục kiểm định xe, có chỗ ngồi, chỗ để xe, có sơ đồ chỉ dẫn, có lịch làm việc, biển chức danh của cán bộ kiểm định xe; niêm yết công khai các quy định về thủ tục kiểm định xe, có hòm thư góp ý.

Nơi kiểm định xe phải có diện tích phù hợp để đảm bảo an toàn cho việc kiểm định xe và được quy định như sau:

a) Cơ quan kiểm định xe có 01 dây chuyền kiểm định, kiểm định loại xe có khối lượng phân bố lên mỗi trục đơn đến 2.000 kg thì xưởng kiểm định phải có kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) là 30 x 4 x 3,5 (m);

b) Cơ quan kiểm định xe có 01 dây chuyền kiểm định, kiểm định loại xe có khối lượng phân bố lên mỗi trục đơn đến 13.000 kg, xưởng kiểm định phải có kích thước thông xe tối thiểu (dài x rộng x cao) là 36 x 5 x 4,5 (m);

c) Đối với cơ quan kiểm định xe có nhiều dây chuyền kiểm định bố trí cạnh nhau thì khoảng cách giữa tâm các dây chuyền kiểm định không nhỏ hơn 4m và khoảng cách từ tâm dây chuyền kiểm định ngoài cùng đến mặt trong tường bao gần nhất của xưởng kiểm định không nhỏ hơn 2,5 m;

d) Đối với cơ quan kiểm định xe chưa có dây chuyền kiểm định thì Cơ quan kiểm định xe phải chọn một địa điểm, có đoạn đường rộng, chiều dài tối thiểu 200m để kiểm tra phanh, có dốc thử hoặc cầu kiểm tra để kiểm tra gầm và phanh đỗ của xe.

2. Dây chuyền kiểm định hoặc thiết bị, phương tiện kiểm định di động phải đảm bảo kiểm tra được các hệ thống, tổng thành, chi tiết của xe để đảm bảo an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định của Luật Giao thông đường bộ và phải được thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng và kiểm chuẩn theo quy định.

3. Đối với cơ quan kiểm định xe có dây chuyền kiểm định thì mỗi dây chuyền kiểm định có tối thiểu 03 cán bộ kiểm định xe; đối với cơ quan kiểm định xe không có dây chuyền kiểm định thì phải có tối thiểu 02 cán bộ kiểm định xe.

Điều 10. Tiêu chuẩn cán bộ kiểm định xe

2. Có trình độ trung cấp Công an nhân dân hoặc tương đương trở lên. Đối với cán bộ tốt nghiệp các trường ngoài ngành Công an phải được đào tạo, bồi dưỡng pháp luật và nghiệp vụ Công an nhân dân theo quy định.

3. Có Giấy phép lái xe ô tô hoặc Bằng hoặc Chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng phù hợp loại xe kiểm định còn hiệu lực.

4. Đã hoàn thành chương trình tập huấn về nghiệp vụ kiểm định xe và được Cục Cảnh sát giao thông cấp Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe.

Điều 11. Cấp mới, cấp đổi, cấp lại và thu hồi Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe

1. Hồ sơ cấp mới Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe gồm:

a) Công văn đề nghị của đơn vị công tác;

b) Tờ khai (kèm 02 ảnh màu kiểu chân dung chụp chính diện trên nền màu xanh, kích thước 2cm x 3cm, trang phục theo điều lệnh Công an nhân dân, đội mũ kê pi);

c) Bản phô tô Giấy phép lái xe, Bằng hoặc Chứng chỉ điều khiển xe máy chuyên dùng;

d) Phô tô Bằng tốt nghiệp, Giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Thông tư này.

2. Hồ sơ cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe.

Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe bị hỏng, mất hoặc nâng hạng loại xe được kiểm định thì được cấp đổi, cấp lại. Hồ sơ gồm:

a) Các giấy tờ quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này;

b) Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe. Trường hợp mất Giấy chứng nhận thì phải có đơn trình bày lý do, xác nhận của đơn vị công tác.

3. Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe do Cục Cảnh sát giao thông cấp.

4. Trường hợp cán bộ kiểm định xe được điều động sang đơn vị công tác khác, chuyển ngành hoặc nghỉ hưu thì cơ quan kiểm định xe có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe, nộp cho Cục Cảnh sát giao thông để làm thủ tục tiêu hủy theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Thông tư này.

Điều 12. Trình tự thực hiện cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe

Cán bộ tiếp nhận hồ sơ thực hiện kiểm tra các giấy tờ, tài liệu có trong hồ sơ theo quy định và nghiên cứu, đề xuất giải quyết theo trình tự như sau:

1. Trường hợp hồ sơ đảm bảo theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11

a) In Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe; báo cáo Trưởng phòng Phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện duyệt, trình Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông ký Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe; vào Sổ theo dõi công tác tập huấn và cấp Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe Công an nhân dân, cắt góc phía trên bên phải Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe (trường hợp cấp đổi);

b) Trả Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe;

c) Lưu hồ sơ: hồ sơ cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe được lưu trữ tại cơ quan cấp và được quản lý theo chế độ hồ sơ trong Công an nhân dân và Thông tư này;

d) Thời gian giải quyết cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

2. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện cấp theo quy định thì trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được công văn đề nghị, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe phải có công văn trả lời.

Mục 2

THỰC HIỆN KIỂM ĐỊNH XE

Điều 13. Chu kỳ kiểm định xe

Chu kỳ kiểm định là khoảng thời gian giữa hai lần kiểm định.

1. Xe chưa qua sử dụng trong thời gian 03 năm tính từ năm sản xuất, kiểm định lần đầu: 36 tháng.

2. Xe đã sản xuất đến 07 năm, trừ đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này: 24 tháng.

3. Xe đã sản xuất trên 07 năm đến 12 năm: 12 tháng.

4. Xe cải tạo; xe sát hạch; xe tập lái; xe đã sản xuất trên 12 năm: 06 tháng.

Điều 14. Phương pháp kiểm định xe

1. Phương pháp kiểm định xe theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và được thực hiện một trong hai phương pháp sau:

a) Phương pháp cơ giới: Thực hiện trên dây chuyền kiểm định hoặc bằng thiết bị, phương tiện kiểm định di động;

Cơ quan kiểm định xe đã được trang cấp dây chuyền kiểm định, thiết bị, phương tiện kiểm định di động phải thực hiện kiểm định bằng phương pháp cơ giới.

b) Phương pháp bán cơ giới: Thực hiện kiểm định bằng dụng cụ chuyên dụng kết hợp với quan sát, đo đạc hoặc trực tiếp vận hành, điều khiển xe.

xe đặc chủng, xe quá khổ, quá tải hoặc ở địa bàn vùng sâu, vùng xa không có điều kiện đưa xe tới cơ quan kiểm định xe hoặc trường hợp dây chuyền kiểm định, thiết bị, phương tiện kiểm định di động bị hỏng không thể khắc phục được ngay thì thực hiện kiểm định xe bằng phương pháp bán cơ giới.

Điều 15. Nội dung kiểm định và yêu cầu kỹ thuật

1. Các hạng mục kiểm tra:

- a) Kiểm tra tổng quát xe;
- b) Kiểm tra phần trên và bên ngoài xe;
- c) Kiểm tra bên trong buồng lái, khoang chở khách;
- d) Kiểm tra phần gầm xe;
- đ) Kiểm tra các chỉ tiêu bảo vệ môi trường;
- e) Kiểm tra hoạt động của hệ thống phanh, lái;

g) Đối với xe tập lái, xe sát hạch phải kiểm tra thêm hệ thống phanh phụ và các thiết bị an toàn phụ trợ của xe theo quy định về yêu cầu kỹ thuật hệ thống phanh, thiết bị an toàn chính của xe;

h) Đối với xe máy chuyên dùng phải kiểm tra thêm hoạt động của các hệ thống, thiết bị chuyên dùng theo quy định của hồ sơ kỹ thuật.

2. Nội dung chi tiết và yêu cầu kỹ thuật: thực hiện theo quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 16. Trình tự kiểm định xe

1. Người đến làm thủ tục kiểm định xe phải xuất trình các giấy tờ sau:

- a) Giấy giới thiệu;
- b) Giấy chứng nhận đăng ký xe;
- c) Giấy chứng minh Công an nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc Chứng minh nhân dân;
- d) Sổ kiểm định. Đối với trường hợp cấp Sổ kiểm định lần đầu thì kê khai Biên bản kiểm tra lập Sổ kiểm định;
- đ) Công văn đề nghị kiểm định xe (đối với xe quá hạn kiểm định).

2. Cán bộ kiểm định xe.

a) Tiếp nhận và kiểm tra các giấy tờ xe và người lái xe theo quy định tại khoản 1 Điều này; thu lệ phí kiểm định xe (nếu có);

b) Nhập dữ liệu xe kiểm định vào Hệ thống quản lý đăng kiểm xe ô tô;

d) Cán bộ kiểm định xe phải ghi nhận số liệu kiểm tra, truyền kết quả kiểm tra ở mỗi công đoạn về máy chủ, ký kết luận "đạt" hoặc "không đạt" của mỗi công đoạn trong Phiếu kiểm định;

đ) Kết thúc việc kiểm định, cán bộ kiểm định xe tổng hợp kết quả kiểm định, hoàn chỉnh các nội dung, in, ký xác nhận Phiếu kiểm định "đạt" hoặc "không đạt" và yêu cầu người lái xe ký vào Phiếu kiểm định;

Trường hợp xe không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định, cán bộ kiểm định xe thông báo các hình thức kiểm tra không đạt và yêu cầu đơn vị quản lý, sử dụng xe sửa chữa, bảo dưỡng xe bảo đảm tiêu chuẩn quy định mới kiểm tra tiếp;

Trường hợp xe đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường theo quy định, giải quyết như sau: in Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định; điền các thông tin của chủ xe, xe vào Sổ kiểm định đối với trường hợp cấp Sổ kiểm định lần đầu; vào Sổ theo dõi kiểm định xe, hoàn chỉnh hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền ký, đóng dấu Sổ kiểm định (trường hợp cấp Sổ kiểm định lần đầu), Giấy chứng nhận kiểm định, đóng dấu treo vào góc trên, bên trái Tem kiểm định. Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định cấp cho xe phải có cùng một số seri.

3. Đối với xe chưa qua sử dụng thì khi làm thủ tục đăng ký, cấp biển số xe được cấp ngay Sổ kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định và Tem kiểm định, không phải thực hiện quy định tại các điểm c, d khoản 2 Điều này.

4. Trả kết quả, lưu trữ hồ sơ.

a) Dán Tem kiểm định vào góc trên, bên phải mặt trong kính chắn gió phía trước của xe;

Trường hợp các đơn vị nghiệp vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt cấp biển số nghiệp vụ, trong khi làm nhiệm vụ có yêu cầu bí mật thì không phải dán Tem kiểm định.

b) Trả Sổ kiểm định cho người lái xe;

c) Lưu trữ hồ sơ: Biên bản kiểm tra lập Sổ kiểm định, Phiếu kiểm định, giấy giới thiệu, công văn được lập thành hồ sơ theo từng xe, lưu trữ tại cơ quan kiểm định xe và được quản lý theo chế độ hồ sơ trong Công an nhân dân và Thông tư này.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TÁC KIỂM ĐỊNH XE

Điều 17. Trách nhiệm của Cục Cảnh sát giao thông

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra và tổ chức kiểm định xe trong lưu hành

2. Xây dựng, vận hành, quản lý, hướng dẫn sử dụng và bảo mật Hệ thống quản lý đăng kiểm xe ô tô.

3. Biên soạn tài liệu, tổ chức tập huấn nghiệp vụ kiểm định xe cho cán bộ kiểm định xe trong lực lượng Công an nhân dân; cấp mới, cấp đổi, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe.

4. In ấn, quản lý, cấp phát và hướng dẫn sử dụng biểu mẫu kiểm định xe.

5. Tham mưu, đề xuất Bộ Công an giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác kiểm định xe.

Điều 18. Trách nhiệm của Công an cấp tỉnh

1. Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc kiểm định xe và việc quản lý, sử dụng, bảo mật Hệ thống quản lý đăng kiểm xe ô tô theo quy định.

2. Tổ chức tập huấn nghiệp vụ cho cán bộ kiểm định xe thuộc địa phương quản lý.

3. Chỉ đạo, bố trí cán bộ kiểm định xe có đủ tiêu chuẩn theo quy định.

4. Tham mưu, đề xuất Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong việc kiểm định xe.

Điều 19. Trách nhiệm của cơ quan kiểm định xe và cán bộ kiểm định xe

1. Tổ chức thực hiện kiểm định xe theo quy định của Thông tư này và chịu trách nhiệm về kết quả kiểm định xe.

2. Chịu trách nhiệm sử dụng, quản lý tài khoản được cấp khi truy cập vào Hệ thống quản lý đăng kiểm xe ô tô; tuân thủ chế độ bảo mật theo quy định.

3. Quản lý, sử dụng các loại biểu mẫu kiểm định xe theo quy định.

4. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm chuẩn thiết bị kiểm định xe để đảm bảo độ chính xác, tình trạng hoạt động của dây chuyền kiểm định, thiết bị, phương tiện kiểm định di động theo quy định.

5. Phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện tham mưu, báo cáo đề xuất Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông, Phòng Cảnh sát giao thông tham mưu, báo cáo đề xuất Giám đốc Công an cấp tỉnh giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác kiểm định xe.

6. Trường hợp xe không thuộc đối tượng quản lý theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 4 Thông tư này thì sau khi kiểm định, cơ quan kiểm định xe phải thông báo bằng văn bản kết quả kiểm định cho cơ quan kiểm định quản lý xe đó biết để cập nhật dữ liệu (trường hợp chưa vận hành Hệ thống quản lý đăng kiểm xe).

Điều 20. Trách nhiệm của đơn vị quản lý, sử dụng xe và người lái xe

1. Đơn vị quản lý, sử dụng xe và người lái xe có trách nhiệm thực hiện quy định về bảo dưỡng, sửa chữa và chịu trách nhiệm duy trì tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện, theo tiêu chuẩn quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này, khi tham gia giao thông đường bộ giữa hai kỳ kiểm định. Trước khi đưa xe đến kiểm định, người lái xe phải tự kiểm tra tình trạng kỹ thuật xe, vệ sinh sạch sẽ cả trong và ngoài xe. Đối với xe kiểm định không đạt tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường thì đơn vị quản lý, sử dụng xe không được phép sử dụng xe phục vụ công tác.

2. Chấp hành quy định của Luật Giao thông đường bộ và quy định của Thông tư này. Chịu trách nhiệm quản lý Sổ kiểm định, Tem kiểm định được cấp và mang theo khi điều khiển xe tham gia giao thông. Trong thời hạn 15 ngày, trước khi hết hạn ghi trên Giấy chứng nhận kiểm định, đơn vị quản lý, sử dụng xe có trách nhiệm đưa xe đến kiểm định tại cơ quan kiểm định xe quy định tại Điều 4 Thông tư này, không được kiểm định xe tại các đơn vị đăng kiểm xe ngoài ngành Công an.

3. Sau khi cải tạo, thay đổi chủ sở hữu, đặc điểm xe thì đơn vị quản lý, sử dụng xe phải đến cơ quan kiểm định xe để làm thủ tục kiểm định xe, điều chỉnh các thông tin về chủ xe, đặc điểm xe trên Sổ kiểm định cho phù hợp. Không được tẩy xóa, sửa chữa các nội dung của Sổ kiểm định, Tem kiểm định.

4. Trường hợp do yêu cầu công tác, xe phải hoạt động dài ngày ở địa phương khác, khi đến hạn kiểm định thì đơn vị quản lý, sử dụng xe phải có công văn đề nghị cơ quan kiểm định xe nơi gần nhất để kiểm định xe.

5. Trường hợp quá hạn kiểm định hoặc Sổ kiểm định, Tem kiểm định bị rách, hư hỏng, bị mất, đơn vị quản lý, sử dụng xe phải có công văn giải trình, nêu rõ lý do gửi cơ quan kiểm định xe để kiểm định, cấp đổi hoặc cấp lại Sổ kiểm định, Tem kiểm định.

6. Trường hợp Sổ kiểm định bị cơ quan có thẩm quyền tạm giữ, đơn vị quản lý, sử dụng xe phải báo ngay cho cơ quan kiểm định xe biết, phối hợp xử lý.

7. Trường hợp thu hồi, tiêu hủy, bán, thanh lý xe ra khỏi biên chế tài sản trong Công an nhân dân, đơn vị quản lý, sử dụng xe phải nộp lại Sổ kiểm định cho cơ quan kiểm định xe đang quản lý xe đó.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 02 năm 2020, thay thế Thông tư

chức kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô, xe máy chuyên dùng trong Công an nhân dân.

2. Giấy chứng nhận kiểm định viên; Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định đã cấp trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành vẫn có giá trị sử dụng đến hết thời hạn ghi trên Giấy chứng nhận, Tem kiểm định.

3. Các biểu mẫu sử dụng trong công tác kiểm định xe ban hành theo Thông tư số 29/2012/TT-BCA đã in nhưng chưa sử dụng thì được tiếp tục sử dụng đến hết ngày 31/12/2020.

Điều 22. Trách nhiệm thi hành

1. Cục trưởng Cục Cảnh sát giao thông có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Thông tư này.

2. Các đồng chí Cục trưởng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Bộ Công an; Giám đốc Công an cấp tỉnh có trách nhiệm triển khai thi hành Thông tư này.

Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát giao thông) để có hướng dẫn kịp thời. / *ML*

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Công an các đơn vị, địa phương;
- Công báo;
- Lưu: VT, C08, V03.



Đại tướng Tô Lâm



Phụ lục

PHIÊN DÙNG KIỂM TRA VÀ YÊU CẦU KỸ THUẬT

Kiểm theo Thông tư số 72/2019/TT-BCA ngày 12/12/2019
của Bộ trưởng Bộ Công an)

1. Kiểm tra tổng quát xe.

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
1.	Biển số đăng ký	- Quan sát, so sánh với đăng ký xe. - Dùng tay lắc.	- Đúng với đăng ký xe, đủ số lượng, đúng quy cách, không nứt gãy, lắp chặt, đúng vị trí.
2.	Số động cơ	- Quan sát, so sánh với đăng ký xe.	- Đúng với số động cơ ghi trong đăng ký xe.
3.	Số khung	- Quan sát, so sánh với đăng ký xe.	- Đúng với số khung ghi trong đăng ký xe.
4.	Màu sơn	- Quan sát, so sánh với đăng ký xe.	- Đúng với màu sơn ghi trong đăng ký xe. - Không bong tróc.
5.	Hình dáng, bố trí chung, kích thước tổng thể	- Quan sát, đo bằng thước.	- Đúng với hình dáng, bố trí, kết cấu xe của nhà sản xuất hoặc đúng thiết kế cải tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt. - Kích thước giới hạn đúng quy định của nhà sản xuất hoặc đúng thiết kế cải tạo được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Kiểm tra phần trên và bên ngoài xe.

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
1.	Thân vỏ, buồng lái, thùng hàng, chắn bùn:	- Quan sát - Dùng tay lắc	- Không được thùng rách và lắp ghép chắc chắn với khung xe. Khung xương không có vết nứt. - Chắn bùn được lắp chắc chắn, không bị thùng, mọt, gỉ, vỡ.
2.	Đèn chiếu sáng phía trước (pha, cốt)	- Bật, tắt đèn và quan sát - Sử dụng thiết bị đo đèn chiếu sáng phía trước (pha, cốt) theo hướng dẫn của nhà sản xuất	- Phải đủ 2 loại đèn chiếu xa (đèn pha) và chiếu gần (đèn cốt). - Lắp ghép đúng và chắc chắn, không nứt vỡ, đảm bảo duy trì các đặc tính quang học của chúng khi xe vận hành.

			<p>1. Bán cơ giới:</p> <p>Quan sát bằng mắt đèn có ánh sáng trắng hoặc vàng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chiều dài dải sáng của đèn chiếu xa lớn hơn 100m, chiều rộng 4m. - Chiều dài dải sáng đèn chiếu gần không nhỏ hơn 50m và đảm bảo quan sát được chướng ngại vật ở khoảng cách 40m. <p>2. Cơ giới:</p> <p>Cường độ sáng một đèn chiếu xa không nhỏ hơn 10.000 (cd).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với đèn chiếu xa: theo phương thẳng đứng, chùm sáng không được lệch lên trên quá 0%; không được lệch dưới quá 2% đối với đèn có chiều cao lắp đặt nhỏ hơn 850mm so với mặt đất hoặc không được lệch dưới quá 2,75% đối với đèn có chiều cao lắp đặt lớn hơn 850 mm so với mặt đất. Theo phương ngang, chùm sáng của đèn không được lệch phải quá 2%, không được lệch trái quá 0%. - Đối với đèn chiếu gần: Theo phương thẳng đứng, giao điểm của đường tối sáng và phần hình nêm nhô lên của chùm sáng không được lệch lên trên quá 0,5% so với đường nằm ngang, lệch dưới quá 2% đối với đèn có chiều cao lắp đặt nhỏ hơn 850mm tính từ mặt đất và không được lệch lên trên quá 1,25% , lệch dưới quá 2,75%. đối với đèn có chiều cao lắp đặt lớn hơn 850mm tính từ mặt đất lên trên. Theo phương ngang, giao điểm của đường tối sáng và phần hình nêm nhô lên của chùm sáng của đèn không được lệch phải quá 2%, lệch trái quá 0%.
3.	Đèn tín hiệu (đèn báo rẽ trước, đèn báo rẽ sau, đèn phanh, đèn lùi, đèn vị trí, đèn	<ul style="list-style-type: none"> - Bật, tắt đèn và quan sát - Đếm tần số nháy trong 01 phút và đo khoảng thời gian từ khi bật công tắc đến 	<ul style="list-style-type: none"> - Đồng bộ, đủ số lượng, đúng vị trí, lắp ghép chắc chắn, không nứt vỡ. - Phải nhận biết được đèn phanh, đèn báo rẽ, đèn lùi ở khoảng cách 20m; đèn soi biển số, đèn vị trí ở khoảng cách 10m trong điều kiện ánh sáng ban ngày.

	soi biển số)	khi đèn sáng.	- Tần số nháy của đèn báo rẽ: từ 60 đến 120 lần/phút. Thời gian chậm tác dụng không quá 03 giây.
4.	Cửa xe, các cơ cấu khoá	- Đóng, mở cửa và quan sát. - Dùng tay lắc.	- Đủ, đóng mở nhẹ nhàng, không tự mở, đóng không hết.

3. Kiểm tra bên trong buồng lái, khoang chở khách.

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
1.	Ghế người lái, ghế hành khách, giường nằm, dây an toàn	- Quan sát. - Đo bằng thước. - Dùng tay lắc.	- Đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt đúng vị trí, chắc chắn, có kích thước đúng quy định. - Cơ cấu điều chỉnh (nếu có) hoạt động tốt. - Mặt đệm ghế không được rách. - Dây an toàn không bị rách, đứt, không bị kẹt, dễ kéo ra, tự thu về, khóa cài đóng mở nhẹ nhàng.
2.	Kính chắn gió	- Quan sát. - Dùng tay ấn	- Là loại kính an toàn, không rạn nứt, đúng quy cách, kính chắn gió phía trước phải trong suốt, hình ảnh quan sát phải rõ, không bị méo mó. - Lắp chắc chắn, không bị rung lắc khi ấn mạnh tay.
3.	Phun nước rửa kính, gạt nước	- Cho hoạt động và quan sát. - Dùng tay lắc.	- Đủ số lượng, lắp đặt chắc chắn, hoạt động tốt. - Lưỡi gạt không bị mòn, không bị chai cứng, đảm bảo tầm nhìn của người lái. - Diện tích quét của gạt nước không nhỏ hơn hai phần ba diện tích kính chắn gió phía trước.
4.	Gương quan sát phía sau	- Quan sát - Dùng tay lắc.	- Đầy đủ, đúng quy cách, lắp đặt chắc chắn, không có vết nứt, cho hình ảnh rõ nét. - Gương lắp ngoài bên trái quan sát được chiều rộng 2,5m ở vị trí cách gương 10m về phía sau; gương nắp ngoài bên phải quan sát được chiều rộng 4m ở vị trí cách gương 20m về phía sau.

5.	Sàn bệ, khung xương	- Quan sát. - Búa chuyên dùng.	- Định vị đúng, chắc chắn. - Không mọt gi, thủng. - Các dầm không được nứt gãy.
6.	Dây dẫn điện trong buồng lái:	- Quan sát.	- Định vị và các mối nối chắc chắn, vỏ cách điện không rạn nứt hoặc hỏng.
7.	Vô lăng lái, càng lái, độ dơ góc	- Quan sát. - Đo độ rơ góc bằng thiết bị chuyên dùng.	- Đúng kiểu loại, không nứt, gãy, biến dạng, bắt chặt với trục lái. - Vô lăng điều khiển nhẹ nhàng, không có tiếng kêu lạ. - Độ rơ góc của vô lăng lái không lớn hơn: + 10° đối với xe con, xe khách đến 12 chỗ, xe tải có tải trọng đến 1500kg. + 15° đối với các loại xe khác.
8.	Trục lái	- Quan sát. - Dùng tay lắc kiểm tra độ rơ.	- Đúng kiểu loại, lắp ghép đúng và chắc chắn. - Không được có độ rơ dọc và rơ ngang. - Không bị nứt, gãy, biến dạng.
9.	Cơ cấu lái, trợ lực lái	- Quan sát. - Dùng xe bằng phanh tay, để cần số ở vị trí số 0, cho động cơ hoạt động, quay vô lăng về hai phía để kiểm tra trợ lực lái.	- Đúng kiểu loại, lắp ghép đúng và chắc chắn, đủ chi tiết kẹp chặt và phòng lỏng. - Phải hoạt động bình thường, không có sự khác biệt lớn giữa lực lái bên trái và lực lái bên phải. - Dây cu roa trợ lực lái không trùng lỏng hoặc hư hỏng. - Không có biểu hiện chảy dầu thành giọt.
10.	Cần phanh tay hoặc bàn đạp điều khiển phanh	- Kéo nhả cần phanh tay. - Đạp, nhả bàn đạp phanh đỗ xe	- Linh hoạt, nhẹ nhàng, hoạt động tốt. - Lắp đặt đúng kiểu loại, chắc chắn. - Hành trình làm việc đúng quy định của nhà sản xuất.
11.	Cần số	- Quan sát. - Ra vào số nguội.	- Đúng kiểu loại. - Không bị cong vênh, biến dạng. - Hoạt động nhẹ nhàng.
12.	Bàn đạp phanh,	- Quan sát.	- Lắp đặt đúng kiểu loại, chắc chắn.

	bàn đạp ly hợp, bàn đạp ga	- Dùng tay lắc, ấn bàn đạp. - Đo bằng thước.	- Bàn đạp phải có hành trình tự do. - Bàn đạp tự trả lại đúng vị trí ban đầu khi nhả bàn đạp phanh, bàn đạp ly hợp, bàn đạp ga.
13.	Các đồng hồ báo áp suất khí nén, nhiệt độ nước làm mát, áp suất dầu, đèn báo phanh tay, báo rẽ, chiếu sáng	- Quan sát. - Kiểm tra hoạt động của các đồng hồ. - Dùng xe bằng phanh tay, cho cần số về số 0, cho động cơ hoạt động để kiểm tra áp suất khí nén.	- Phải đầy đủ các loại đồng hồ, đèn báo và phải hoạt động tốt. - Đối với xe có hệ thống dẫn động khí nén (phanh hơi) hoặc trợ lực phanh bằng khí nén: Áp suất khí nén phải đạt áp suất quy định cho từng loại xe.
14.	Động cơ và các hệ thống liên quan đến động cơ	- Quan sát. - Dùng xe bằng phanh tay, để cần số ở số 0. Cho động cơ hoạt động và nghe tiếng động cơ.	- Động cơ phải hoạt động ổn định ở các chế độ vòng quay và không có tiếng gõ lạ. - Chất lỏng không rỉ thành giọt.

4. Kiểm tra phần gầm xe

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
1.	Khung xe, móc kéo	- Quan sát kết hợp dùng búa gõ.	- Đầy đủ, đúng quy cách. Các dầm bằng kim loại không biến dạng, nứt, gỉ thủng. Các dầm gỗ không mục vỡ, gãy. - Móc kéo lắp đặt chắc chắn, đúng kiểu loại, không bị nứt, gãy, biến dạng. Cóc hãm và chốt hãm không được tự mở.
2.	Hệ thống treo	- Quan sát kết hợp dùng búa gõ.	- Đầy đủ, lắp ghép đúng và chắc chắn, không nứt gãy, không rò rỉ dầu hoặc khí nén. - Đảm bảo cân bằng thân xe.
3.	Bánh xe (vành, moay ơ, lốp)	- Quan sát kết hợp búa chuyên dùng. - Kích bánh xe cao khoảng 5 đến 10cm. Dùng tay lắc bánh xe để kiểm tra độ rơ (Đối với xe tải, xe khách dùng tay quay để kiểm tra).	- Kích cỡ lốp, vành đúng quy định của nhà sản xuất. - Các chi tiết kẹp chặt và phòng lỏng đầy đủ, đúng quy cách. - Vành đĩa, vòng hãm đúng kiểu loại, không biến dạng, rạn nứt, cong vênh. Vòng hãm phải khít vào vành bánh xe. - Bánh xe quay tròn không bó kẹt, không có độ rơ dọc trục và hướng kính.

		- Kiểm tra lớp.	- Lớp đúng cỡ, đủ số lượng, đủ áp suất, không phồng rộp, nứt vỡ tới lớp sợi mảnh. Lớp các bánh xe dẫn hướng phải cùng loại. Lớp bánh dẫn hướng hai bên phải cùng kiểu hoa lớp, chiều cao hoa lớp đồng đều, không sử dụng lớp đắp. - Lớp mòn đều không quá dấu chỉ báo độ mòn của nhà sản xuất.
4.	Ngõng quay lái	- Quan sát. - Kích từng bánh xe dẫn hướng lên khỏi mặt đất, đạp phanh, dùng tay lắc bánh xe kiểm tra độ rơ dọc và ngang.	- Lắp ghép đúng và chắc chắn. - Không biến dạng, nứt gãy. - Trục, khớp cầu không bị rơ, lỏng.
5.	Thanh đòn dẫn động lái (cần chuyển hướng dọc và ngang), khớp cầu (rô tuyn)	- Đỡ xe trên hầm kiểm tra; quay vô lăng về hai phía. Nếu xe có hệ thống trợ lực lái thì phải nổ máy khi kiểm tra. - Quan sát kết hợp dùng tay lắc.	- Không biến dạng, nứt gãy. - Không có tiếng kêu khi lắc vô lăng. - Vỏ bọc chắn bụi không được thủng rách. - Lắp ghép đúng và chắc chắn, có đủ chi tiết kẹp chặt và phòng lỏng (Không được dùng đinh hay dây thép để thay cho chốt ché).
6.	Trục các đăng	- Đỡ xe trên hầm kiểm tra. - Quan sát kết hợp dùng tay lắc, xoay trục các đăng.	- Đầy đủ, đúng kiểu loại, lắp đặt chắc chắn. - Trục không biến dạng, không nứt, không được hàn táp, nối dài thêm. Khi lắc trục không được sộc sệch, rơ lỏng, không phát ra tiếng kêu.
7.	Cầu xe	- Đỡ xe trên hầm kiểm tra. - Quan sát.	- Cầu xe không nứt, gãy, biến dạng. - Cầu chủ động không có dầu chảy thành giọt.
8.	Dẫn động phanh chính	- Đạp phanh và quan sát.	- Đầy đủ các bình chứa và van. - Hoạt động linh hoạt, nhẹ nhàng. - Không biến dạng, rạn nứt. Không rò rỉ dầu phanh hoặc khí nén trong hệ thống.
9.	Dây dẫn điện phía dưới	- Quan sát.	- Định vị và các mối nối chắc chắn, vỏ cách điện không rạn nứt hoặc hỏng.
10.	Hệ thống dẫn khí thải, bầu giảm âm	- Đỡ xe trên hầm kiểm tra.	- Lắp ghép đúng và chắc chắn. - Không bị mọt gỉ, rách, rò rỉ khí thải.

	- Quan sát kết hợp lay, lắc các giá đỡ, ống nối, bầu giảm âm.	- Bầu giảm âm và ống dẫn khí thải phải kín.
--	---	---

5. Kiểm tra các chỉ tiêu bảo vệ môi trường

Các loại xe cơ giới đến kiểm định, xe nhập khẩu, xe sản xuất, lắp ráp (trừ xe đặc chủng, xe máy chuyên dùng) thực hiện theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải, quy định tại Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới và Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg ngày 28/3/2019 quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
1.	Độ ồn dB(A)	Cơ giới: - Kiểm tra bằng thiết bị đo âm lượng; - Thực hiện đo tiếng ồn động cơ theo quy định trong Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 7880:2016	Mức độ ồn tối đa cho phép: - 103 dB(A) đối với xe con, xe tải, xe chuyên dùng, xe khách có trọng lượng toàn bộ đến 3500 kg. - 105 dB(A) đối với xe tải, xe chuyên dùng, xe khách có trọng lượng toàn bộ trên 3500 kg và công suất lớn nhất của động cơ đến 150 kW. - 107 dB(A) đối với xe tải, xe chuyên dùng, xe khách có trọng lượng toàn bộ trên 3500 kg và công suất lớn nhất của động cơ trên 150 kW.
2.	Còi điện dB(A)	1. Bán cơ giới: Nghe âm thanh còi. 2. Cơ giới: Đo bằng thiết bị đo âm lượng	1. Bán cơ giới: Âm thanh còi to, rõ, không bị rè. 2. Cơ giới: Âm lượng không nhỏ hơn 93 dB(A) nhưng không quá 112 dB(A).
3.	Nồng độ CO	- Cơ giới: Đo theo quy định trong Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 6204: 2008	- Nồng độ CO không quá 4,5% thể tích
4.	Nồng độ HC	- Cơ giới: Đo theo quy định trong Tiêu chuẩn Quốc gia	- Nồng độ HC không quá: + 1.200 phần triệu (ppm) thể tích đối với động cơ 4 kỳ.

		TCVN 6204: 2008	+ 7.800 phần triệu (ppm) thể tích đối với động cơ 2 kỳ.
5.	Độ khói	1. Bán cơ giới: Nhìn màu sắc khí xả. 2. Cơ giới: Đo độ khói theo quy định trong Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 7663:2007	1. Bán cơ giới: Khí xả có màu nhạt đối với động cơ xăng. Đối với động cơ Di-ê-zen, khí xả không được có màu đen quá mức nhận biết được. 2. Cơ giới: Động cơ cháy do nén: Kết quả đo khói trung bình của 3 lần đo không vượt quá 72% HSU.

6. Kiểm tra hoạt động của hệ thống phanh, lái

Đối với phương pháp kiểm định bán cơ giới: Qua kiểm tra xe ở trạng thái tĩnh phát hiện những bộ phận không bảo đảm an toàn thì yêu cầu người lái xe phải sửa lại. Chỉ những xe bảo đảm các tiêu chuẩn an toàn mới cho xe chạy trên đường để kiểm tra.

TT	HẠNG MỤC KIỂM TRA	PHƯƠNG PHÁP KIỂM TRA	YÊU CẦU
1.	Kiểm tra sự hoạt động của ly hợp, hộp số:	1. Bán cơ giới: Cho xe chạy trên đường ở mọi tay số. 2. Cơ giới: - Cho động cơ hoạt động, cài số và thực hiện đóng, mở ly hợp để kiểm tra. - Ra, vào số để kiểm tra hoạt động.	- Ly hợp đóng nhẹ nhàng, cắt dứt khoát, không có tiếng kêu khác lạ. - Hộp số (cơ khí hoặc tự động) chuyển số nhẹ nhàng, không rung giật hoặc bị nhảy số.
2.	Độ trượt ngang của bánh xe dẫn hướng:	Cho xe chạy thẳng với tốc độ không lớn hơn 5km/h, không tác động lực lên vô lăng 1. Bán cơ giới: Chạy thẳng trên đường khoảng 100m. Dùng thước đo độ lệch của bánh xe dẫn hướng. 2. Cơ giới: Cho xe chạy trên băng thử.	Độ trượt ngang của bánh xe dẫn hướng không vượt quá 05 mm/m.

3.	Hiệu quả phanh chính:	<p>1. Bán cơ giới: Đo quãng đường phanh và độ lệch khi phanh ở chế độ thử không tải với tốc độ 30 km/h trên mặt đường phủ nhựa hoặc đường bê tông bằng phẳng và khô. Ngắt động cơ khỏi hệ thống truyền lực, đạp phanh đến hết hành trình và giữ bàn đạp phanh đến khi xe dừng hẳn. Ghi nhận quãng đường phanh.</p> <p>2. Cơ giới: Kiểm tra hiệu quả phanh chính trên băng thử: Xe không tải, nổ máy, tay số ở vị trí số không, đạp phanh đều đến hết hành trình rồi ghi nhận kết quả.</p>	<p>1. Bán cơ giới: - Quãng đường phanh không lớn hơn: + 7,2m (đối với ô tô con đến 9 chỗ ngồi). + 9,5m (đối với ô tô tải có tải trọng nhỏ hơn 8.000kg, ô tô khách trên 9 chỗ có chiều dài toàn bộ ngắn hơn 7,5m). + 11m (đối với ô tô tải có tải trọng lớn hơn 8.000kg, ô tô khách trên 9 chỗ có chiều dài toàn bộ lớn hơn 7,5m). - Độ lệch phanh: Khi phanh quỹ đạo chuyển động của xe không lệch khỏi hành lang 3,5m.</p> <p>2. Cơ giới: - Lực phanh: + Ô tô tải; ô tô chuyên dùng có trọng lượng bản thân không lớn hơn 12.000kg và ô tô chở người: không nhỏ hơn 50%. + Ô tô tải; ô tô chuyên dùng có trọng lượng bản thân lớn hơn 12.000kg; ô tô đầu kéo; sơ mi rơ moóc; rơ moóc và đoàn xe ô tô sơ mi rơ moóc: không nhỏ hơn 45%. - Sai lệch lực phanh trên một trục: Không quá 25%.</p>
4.	Hiệu lực của phanh tay:	<p>Kiểm tra ở chế độ không tải.</p> <p>1. Bán cơ giới: Dùng dốc thử có độ dốc 20% trên mặt đường phủ nhựa hoặc đường bê tông bằng phẳng và khô, có hệ số bám lớn hơn 0,6; hoặc đo quãng đường phanh trên đường với tốc độ 15km/h.</p> <p>2. Cơ giới: Thiết bị thử phanh.</p>	<p>1. Bán cơ giới: - Dừng được xe trên dốc thử hoặc quãng đường phanh nhỏ hơn 6m.</p> <p>2. Cơ giới: Tổng lực phanh đỗ không nhỏ hơn 16% trọng lượng xe không tải.</p>

**SỞ CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

TRANG BÌA

Bìa sau

Bìa trước

	<p>BỘ CÔNG AN Ministry of Public Security</p> <p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc Socialist Republic of Vietnam Independence – Freedom – Happiness</p> <p>SỞ CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</p> <p>PERIODICAL MOTOR VEHICLE INSPECTION CERTIFICATE FOR TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION</p> <p>140mm</p> <p>95mm</p>
--	---

Ghi chú:

- Sổ kiểm định gồm 30 trang, khổ 95 x 140mm.
- Bìa cứng, nền màu xanh.
- Bìa trước có hoa văn hình Công an hiệu.

Trang 1, 2 và 34

	<p>BỘ CÔNG AN Ministry of Public Security</p> <p>SỔ CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG PERIODICAL MOTOR VEHICLE INSPECTION CERTIFICATE FOR TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION</p> <p>Ng : A 000000000</p> <p>1. Biền số đăng ký : (Registration No)</p> <p>2-Biên số đăng ký : (Registration No)</p> <p>3-Biên số đăng ký : (Registration No)</p> <p>4-Biên số đăng ký : (Registration No).</p>
(1, 30)	(2)

Ghi chú:

- Các trang 1, 30 là mặt trong của bìa Sổ.
- Biền số đăng ký tại trang 2 ghi bằng tay.
- Nền màu trắng, chữ màu đen.

Trang 3, 4, 5 và 6

1. PHƯƠNG TIỆN VÀ CHỦ PHƯƠNG TIỆN
 (IDENTIFICATION OF VEHICLE AND OWNER)

Biển số đăng ký:.....

(Registration Number)

Nơi đăng ký

(Registration place)

Ngày đăng ký:.....

(Registration date)

Đăng ký xe có giá trị đến ngày:.....

(Date of expiry)

Chủ phương tiện:.....

(Owner)

Địa chỉ(Address).....

Số quản lý tại Đơn vị KĐ:

(Inspection No)

Ngày (Date) tháng năm.....

CƠ QUAN KIỂM ĐỊNH XE

(INSPECTION CENTER)

(3)

2. PHƯƠNG TIỆN VÀ CHỦ PHƯƠNG TIỆN
 (IDENTIFICATION OF VEHICLE AND OWNER)

Biển số đăng ký:.....

(Registration Number)

Nơi đăng ký

(Registration place)

Ngày đăng ký:.....

(Registration date)

Đăng ký xe có giá trị đến ngày:.....

(Date of expiry)

Chủ phương tiện:.....

(Owner)

Địa chỉ(Address).....

Số quản lý tại Đơn vị KĐ:

(Inspection No)

Ngày (Date) tháng năm.....

CƠ QUAN KIỂM ĐỊNH XE

(INSPECTION CENTER)

(4)

Ghi chú: Nội dung trang 3 đến trang 6 ghi bằng tay

Trang 7 và 8

II. ĐẶC ĐIỂM PHƯƠNG TIỆN MOTOR VEHICLE DESCRIPTION	ĐẶC ĐIỂM PHƯƠNG TIỆN MOTOR VEHICLE DESCRIPTION
Số : A 0000001	Số : A 0000001
Loại phương tiện (Type)	Kiểu động cơ (Engine Model):...../.....
Nhãn hiệu (Mark):.....	Loại nhiên liệu sử dụng (Fuel Used).....
Số loại (Model code):	Thể tích làm việc của động cơ (Engine Displacement):(cm ³)
Số máy (Engine Number):	Công suất lớn nhất /tốc độ quay:Ps; Mã lực; kw/v/ph
Số khung (Chassis Number):	(Max. output/rpm)
Năm, Nơi sản xuất (Manufactured Year and country):	Hệ thống lái (Steering System):.....
Công thức bánh xe (Wheel Formula):	Phanh chính (Service Brake):.....
Vết bánh trước/ sau (Front/ Rear Track):..... /..... (mm)	Phanh đỗ (Parking):.....
Kích thước bao (Overall Dimension):..... (mm)	Lốp sử dụng (Tires Used):
Kích thước thùng xe (Cargo):..... (mm)	- Trục 1 (Axle No 1):
Chiều dài cơ sở (Wheel Base):	- Trục 2 (Axle No 2):
Trọng lượng bản thân (Kerb Weight):	- Trục 3 (Axle No 3):
Trọng tải thiết kế (Designed Loading Capacity):	- Trục 4 (Axle No 4):
Số người cho phép chở (Permissible No. of Pers Carried):	- Trục 5 (Axle No 5):
Trọng lượng kéo theo (Towed Weight):.....(kg)	- Trục 6 (Axle No 6):
Trọng lượng toàn bộ (Gross Weight):	Ngày (Date) tháng..... năm.....
(7)	CƠ QUAN KIỂM ĐỊNH XE (INSPECTION CENTER) (8)

Ghi chú:

- Trang “ Đặc điểm phương tiện” được in rời, mặt sau có phủ keo dính để dán vào trang 7 và trang 8 của Sổ kiểm định.
- Các thông số đặc điểm xe được in từ phần mềm Quản lý đăng kiểm xe ô tô.

Trang 13 và 14

V. CẢI TẠO, THAY ĐỔI KẾT CẤU
 (MODIFICATION)

- Loại phương tiện (Type):
- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo (Certificate for modification):
- + Số sê ri GCN (Certificate No):
- + Nơi cấp (Registration Place):
- + Ngày cấp (Date):
- Nội dung và kết luận (Items having been modified and Conclusion):

Ngày (Date) tháng..... năm... ..

 Người lái xe
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 Owner (Full Name & Signature)

CƠ QUAN KIỂM ĐỊNH XE
 (INSPECTION CENTER)

(13)

CẢI TẠO, THAY ĐỔI KẾT CẤU
 (MODIFICATION)

- Loại phương tiện (Type):
- Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo (Certificate for modification):
- + Số sê ri GCN (Certificate No):
- + Nơi cấp (Registration Place):
- + Ngày cấp (Date):
- Nội dung và kết luận (Items having been modified and Conclusion):

Ngày (Date) tháng..... năm... ..

 Người lái xe
 (Ký, ghi rõ họ tên)
 Owner (Full Name & Signature)

CƠ QUAN KIỂM ĐỊNH XE
 (INSPECTION CENTER)

(14)

Ghi chú:

- Nội dung được in từ phần mềm Quản lý đăng kiểm xe ô tô hoặc ghi bằng tay.

Mẫu số 02

Ban hành kèm theo Thông tư số 72 /2019/TT-BCA
ngày 12 /12 /2019 của Bộ trưởng Bộ Công an.

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

BỘ CÔNG AN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Ministry of
Public Security

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Socialist Republic of Vietnam
Independence – Freedom – Happiness

**GIẤY CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH
AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**
PERIODICAL MOTOR VEHICLE INSPECTION CERTIFICATE
FOR TECHNICAL SAFETY AND ENVIRONMENTAL PROTECTION

N_o: BB 00000000

Biển số đăng ký (Registration Number):

Số máy (Engine Number):

Số khung (Chassis Number):

Phương tiện đạt tiêu chuẩn hiện hành về an toàn kỹ
thuật và bảo vệ môi trường (The motor vehicle is in compliance
with the applicable requirements of Technical Safety and Environmental
Protection Standards)

Ngày kiểm định lần tới (Next Periodical Inspection Date):

....., ngày (Date).....tháng.....năm.....

CƠ QUAN KIỂM ĐỊNH XE
(INSPECTION CENTER)

Số phiếu kiểm định
(Inspection Report No)

Ghi chú:

- Kích thước 85 x 120mm.
- Nền màu nâu vàng, có hoa văn hình Công an hiệu.
- Mặt sau có keo dính để dán vào Số kiểm định.

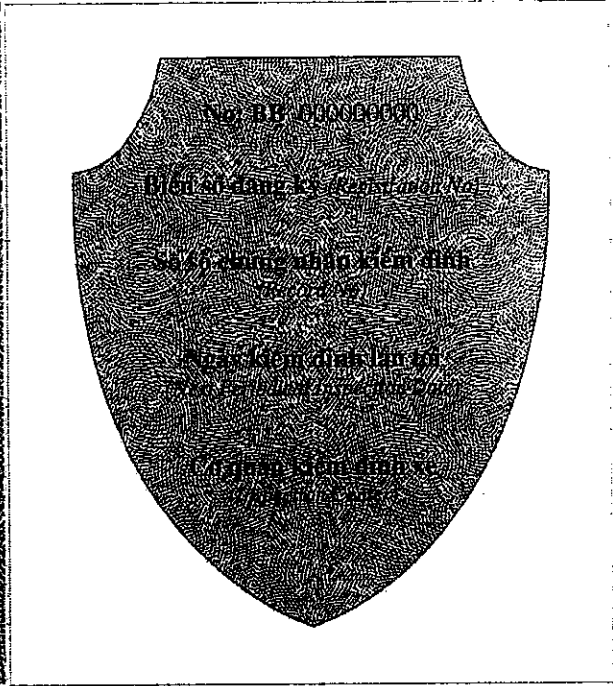
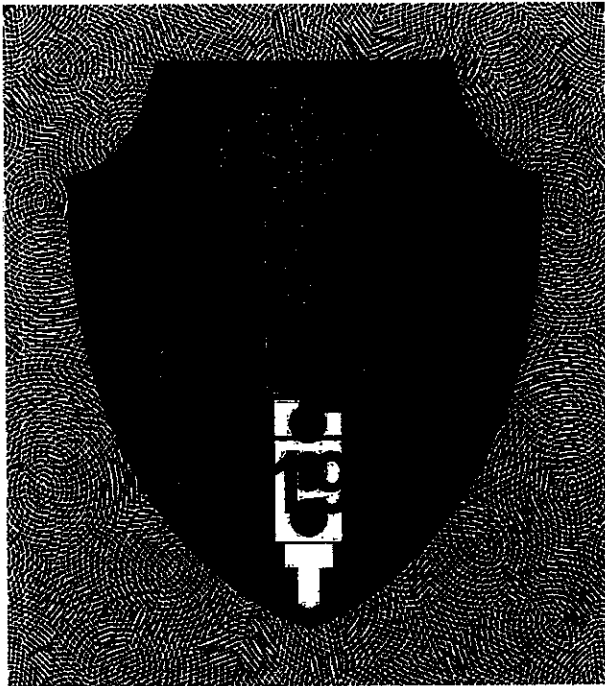
Mẫu số 03

Ban hành kèm theo Thông tư số 72 /2019/TT-BCA
ngày 12 /12 /2019 của Bộ trưởng Bộ Công an.

TEM KIỂM ĐỊNH AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Mặt trước

Mặt sau



Ghi chú:

- Tem kiểm định hình lá chắn, kích thước 80 x 88mm. Tem kiểm định gồm 2 mặt:
- Mặt trước Tem kiểm định: Nền màu xanh, chữ màu đen, có biểu tượng Cảnh sát giao thông; trên cùng là dòng chữ "BỘ CÔNG AN", ở dưới là tháng (cỡ chữ: 34mm) và năm (cỡ chữ: 10mm) kiểm định lần kế tiếp. Có keo dính để dán vào kính xe.
- Mặt sau Tem kiểm định: Nền màu nâu, chữ màu đen, gồm các thông tin: Số , biển số đăng ký xe, số Số kiểm định, ngày kiểm định lần tới, cơ quan kiểm định xe.

.....(1).....

Ngày, giờ kiểm định: .../.../.....,

Kiểm định lần:.....

Số phiếu:.....

Chủ xe:

Địa chỉ:

Biển số:

Nhãn hiệu, số loại:

Nơi, năm sản xuất:

Loại xe:

Số máy:

Số khung:

Trọng lượng bản thân:

(kg)

Trọng lượng kéo theo:

(kg)

Trọng tải cho phép:

(kg)

Số người cho phép chở (kể cả người lái):

TT	Kiểm tra tổng quát xe	K/L	TT	Kiểm tra bên trong buồng lái, khoang chở khách	K/L
01	Biển số đăng ký		01	Ghế người lái, ghế hành khách, dây an toàn	
02	Số khung		02	Kính xe	
03	Số máy		03	Gạt nước, phun nước rửa kính	
04	Màu sơn, chất lượng lớp sơn		04	Gương quan sát phía sau	
05	Hình dáng bố trí chung, kích thước giới hạn		05	Sàn bệ, khung xương	
Xác nhận của cán bộ kiểm định xe (Ký, ghi rõ họ tên)			06	Dây dẫn điện phần trên	
			07	Vô lăng lái, càng lái, độ dơ góc	
			08	Trục lái	
			09	Hiệu quả trợ lực lái	
			10	Cơ cấu điều khiển phanh đỗ	
TT	Kiểm tra phần trên và bên ngoài xe	K/L	11	Cơ cấu sang số	
01	Thân vỏ, buồng lái, thùng hàng, chắn bùn		12	Các bàn điều khiển: ly hợp, phanh, ga	
02	Đèn chiếu sáng phía trước (pha, cốt)		13	Áp suất khí nén, các đồng hồ, đèn chỉ báo	
03	Đèn tín hiệu, đèn lùi		14	Động cơ và các hệ thống liên quan	
04	Cửa xe		Xác nhận của cán bộ kiểm định xe (Ký, ghi rõ họ tên)		
Xác nhận của cán bộ kiểm định xe (Ký, ghi rõ họ tên)					
TT	Kiểm tra phần gầm xe	K/L	TT	Kiểm tra các chỉ tiêu bảo vệ môi trường	K/L
01	Khung xe, móc kéo		01	Độ ồn	
02	Hệ thống treo		02	Còi điện	
03	Bánh xe (Moay ơ, lốp, vành đĩa, vòng hãm)		03	Nồng độ CO	
04	Ngõng quay lái		04	Nồng độ HC	
05	Cơ cấu lái, các thanh đòn dẫn động lái, khớp cầu, khớp chuyển hướng		05	Độ khói	
06	Các đăng		Xác nhận của cán bộ kiểm định xe (Ký, ghi rõ họ tên)		
07	Cầu xe				
08	Dẫn động phanh chính				
09	Dây dẫn điện phần dưới				
10	Hệ thống dẫn khí xả, bầu giảm âm				
Xác nhận của cán bộ kiểm định xe (Ký, ghi rõ họ tên)			TT	Kiểm tra hoạt động của hệ thống phanh, lái	K/L
Xác nhận của cán bộ kiểm định xe (Ký, ghi rõ họ tên)			01	Dẫn động ly hợp	
			02	Độ trượt ngang của bánh xe dẫn hướng	
			03	Sai lệch lực phanh trên một trục	
			04	Hiệu quả phanh chính	
			05	Hiệu quả phanh đỗ	
			06	Hệ thống phanh phụ	
TT	Kiểm tra hoạt động của hệ thống, thiết bị chuyên dùng đối với xe máy chuyên dùng	K/L	Xác nhận của cán bộ kiểm định xe (Ký, ghi rõ họ tên)		
01	Hệ thống công tác				
02	Thiết bị chuyên dùng				
Xác nhận của cán bộ kiểm định xe (Ký, ghi rõ họ tên)					

Kết luận:

Phương tiện tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

Định kỳ kiểm định: tháng; Thời hạn kiểm định lần tới:

Lái xe

(Ký, ghi rõ họ tên)

Cán bộ kiểm định xe

(Ký, ghi rõ họ tên)

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

.....(1).....

BIÊN BẢN KIỂM TRA LẬP SỔ KIỂM ĐỊNH

Biên số đăng ký: Ngày đăng ký:
Tên chủ phương tiện:
Địa chỉ thường trú:
Ngày đăng ký lần đầu:
Tình trạng phương tiện: chưa qua sử dụng: đã qua sử dụng:
Loại phương tiện:
Nhãn hiệu: Số loại: màu sơn:
Số máy: Số khung:
Nơi sản xuất: Năm sản xuất:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT CƠ BẢN

Kích thước bao (Dài x Rộng x Cao):(mm)
Kích thước thùng hàng (Dài x Rộng x Cao):(mm)
Công thức bánh xe: Vết bánh xe trước/ sau:/.....(mm)
Chiều dài cơ sở: + +(mm)
Trọng lượng bản thân:.....(kg) Trọng lượng toàn bộ: (kg)
Trọng tải thiết kế:.....(kg) Trọng lượng kéo theo: (kg)
Trọng tải cho phép tham gia giao thông:.....(kg) Trọng lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông:.....(kg)
Số người cho phép chở (kể cả người lái):.....(ngồi)(đứng)..... (năm)
Kiểu động cơ: Thể tích làm việc của động cơ: (cm³)
Loại nhiên liệu sử dụng:
Công suất lớn nhất của động cơ/tốc độ quay: / (Ps, Mã lực, kw/v/ph)

Hệ thống lái:
Hệ thống phanh chính:
- Hệ thống phanh đỗ:
- Lớp xe: + Trục 1: + Trục 2:
+ Trục 3: + Trục 4:
+ Trục 5: + Trục 6:

THÔNG SỐ KỸ THUẬT ĐẶC TRƯNG CỦA XE MÁY CHUYÊN DÙNG

.....
.....
.....
.....
.....

NGƯỜI LÁI XE
(Ký, ghi họ tên)

....., ngày tháng năm
CÁN BỘ KIỂM ĐỊNH XE
(Ký, ghi rõ họ tên)

.....(1).....

.....(2).....

THỐNG KÊ SỐ LIỆU
KIỂM ĐỊNH XE CÔNG AN NHÂN DÂN
(Từ ngày....tháng....năm....đến ngày....tháng.....năm.....)

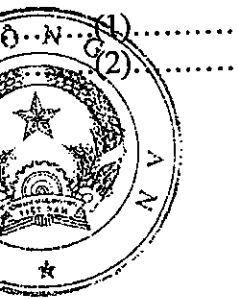
Mẫu số 06
Ban hành kèm theo Thông tư số: 72 /2019/TT-BCA
ngày 12 /12 /2019 của Bộ trưởng Bộ Công an

STT	Loại xe	Tổng số xe quản lý	Xe Đơn vị khác quản lý	Số xe hết hạn kiểm định	Số xe còn hạn kiểm định	Số xe ngừng lưu hành	Số xe kiểm định	
							Đạt tiêu chuẩn	Không đạt tiêu chuẩn
1	Xe ô tô chở người đến 9 chỗ							
2	Xe ô tô chở người từ 10 chỗ trở lên							
3	Xe ô tô tải							
4	Xe ô tô tập lái, xe ô tô sát hạch							
5	Xe ô tô chuyên dùng							
6	Xe máy chuyên dùng							
7	Xe khác							
Tổng								

Cán bộ thống kê
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan kiểm định xe
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

(1) ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông;
ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ghi Công an tỉnh, thành phố.
(2) ở Bộ ghi Phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện;
ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ghi Phòng Cảnh sát giao thông;



Mẫu số 07

Ban hành kèm theo Thông tư số: 72 /2019/TT-BCA
Ngày 12 / 12 /2019 của Bộ trưởng Bộ Công an

SỔ THEO DÕI KIỂM ĐỊNH XE CÔNG AN NHÂN DÂN

(Từ ngày / / đến ngày / /)

- (1) ở Bộ ghi Cục Cảnh sát giao thông;
ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ghi Công an tỉnh, thành phố.
(2) ở Bộ ghi Phòng Hướng dẫn, đăng ký và kiểm định phương tiện;
ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ghi Phòng Cảnh sát giao thông;

DANH SÁCH
KIỂM ĐỊNH XE CÔNG AN NHÂN DÂN
(Từ ngày / / đến ngày / /))

TT	BIỂN SỐ	ĐƠN VỊ	LOẠI XE	SỐ MÁY	SỐ KHUNG	SỐ TEM, GCN KIỂM ĐỊNH	NGÀY KIỂM ĐỊNH	KIỂM ĐỊNH LẦN TỚI	KẾT QUẢ	
									ĐẠT TIÊU CHUẨN	KHÔNG ĐẠT TIÊU CHUẨN
...										
Tổng số:										

Cán bộ tổng hợp
(Ký, ghi rõ họ tên)

Cơ quan kiểm định xe
(Ký, ghi rõ họ tên)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
CẤP MỚI, CẤP ĐỔI, CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN
CÁN BỘ KIỂM ĐỊNH XE CÔNG AN NHÂN DÂN

Kính gửi:(1).....

Tên tôi làNam/nữ.....

Sinh ngày tháng năm

Cấp bậc:

Chức vụ:

Đơn vị công tác(2).....

Số CMCAND/CMND/CCCD cấp ngày tại

Có Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe hạngSố cấp.....

Ngày cấp..... Đơn vị cấp.....

Số điện thoại liên hệ.....

Đề nghị :(3)..... Lý do:.....

Giấy tờ, tài liệu kèm theo

.....

.....

.....

.....

Tôi xin cam đoan những điều trình bày trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ CÔNG TÁC

Đồng chí là cán
bộ của đơn vị đã kê khai các nội dung trên là đúng.

....., ngày tháng năm.....

NGƯỜI KÊ KHAI
(Ký, ghi rõ họ tên)

- (1) Đơn vị cấp Giấy chứng nhận cán bộ kiểm định xe.

MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN CÁN BỘ KIỂM ĐỊNH XE CÔNG AN NHÂN DÂN

1. Mặt trước

86mm

BỘ CÔNG AN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

(CÔNG AN HIỆU)

GIẤY CHỨNG NHẬN
CÁN BỘ KIỂM ĐỊNH XE CÔNG AN NHÂN DÂN

54mm

2. Mặt sau:

86mm

Ảnh
2x3cm

Họ và tên:.....
 Năm sinh:.....
 Đơn vị công tác:
 Loại xe được kiểm định.....

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....
CỤC TRƯỞNG

Số:.....

54mm

- Kích thước 86 x 54mm.

- Mặt trước: Nền màu đỏ, Chữ màu vàng. phía trên bên trái có hàng chữ BỘ CÔNG AN, CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG ; phía trên bên phải có hàng chữ: Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Độc lập - Tự do - Hạnh phúc; ở giữa in hình Công an hiệu; dưới cùng là hàng chữ: GIẤY CHỨNG NHẬN CÁN BỘ KIỂM ĐỊNH XE CÔNG AN NHÂN DÂN.

- Mặt sau: Nền màu trắng, chữ màu đen. Phía bên trái có hình chữ nhật để dán ảnh (cỡ 2x3cm); từ trên xuống dưới gồm các thông tin: họ và tên; sinh năm; đơn vị công tác; là cán bộ kiểm định xe cơ giới đường bộ; loại xe được kiểm tra; có giá trị đến ngày; Hà Nội, ngày, tháng, năm; Cục trưởng; Số.



BỘ CÔNG AN
CỤC CẢNH SÁT GIAO THÔNG

Mẫu số 10

Ban hành kèm theo Thông tư số 72 /2019/TT-BCA
ngày 12/12 /2019 của Bộ trưởng Bộ Công an.

SỔ THEO DÕI
CÔNG TÁC TẬP HUẤN VÀ CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN
CÁN BỘ KIỂM ĐỊNH XE CÔNG AN NHÂN DÂN

Quyển số:

- Từ ngày:...../...../.....

- Đến ngày:...../...../.....

